

Số: 300 /2025/QĐST-HNGĐ

Vinh Long, ngày 17 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VINH LONG**

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các các điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 435/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Đăng G**, sinh ngày 18/10/1986;

CCCD số: 0830 8600 8611;

Cư trú: Số A, ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà **Trương Thị Thùy T**, sinh ngày 10/7/1994;

CCCD số: 0601 9401 4446;

Cư trú: Số A, ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông G và bà T đăng ký kết hôn ngày 07/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã L, tỉnh Lâm Đồng). Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông G và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông G và bà T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông G và bà T có với nhau hai con chung tên Nguyễn Quý Q, sinh ngày 13/01/2013 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 02/01/2016. Các đương sự thỏa thuận sau khi ly hôn ông G là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q1, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ý. Ông G và bà T không yêu

cầu cấp dưỡng nuôi con. Sự thoả thuận nêu trên của ông G và bà T là phù hợp theo các Điều 55 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Ông G và bà T khai tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông G và bà T khai không có nợ chung.

[5] Lệ phí Tòa án: Ông G và bà T tự nguyện liên đới chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng G và bà Trương Thị Thùy T thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Quý Q, sinh ngày 13/01/2013 cho ông Đăng G trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 02/01/2016 cho bà Trương Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện ông Nguyễn Đăng G và bà Trương Thị Thùy T tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đăng G và bà Trương Thị Thùy T tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Đăng G và bà Trương Thị Thùy T khai không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Đăng G và bà Trương Thị Thùy T tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0008363 ngày 04/11/2025 Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Nguyễn Đăng G và bà Trương Thị Thùy T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long; (1b);
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thanh Như